

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY
TỔ SỬ - ĐỊA

NỘI DUNG TRỌNG TÂM ÔN TẬP
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II (2024 - 2025)
Môn: ĐỊA LÍ – Khối: 11

PHẦN 1: GIỚI HẠN ÔN TẬP

1. Liên bang Nga

1.1. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Liên bang Nga.

1.2. Kinh tế Liên bang Nga.

1.3. Tìm hiểu về công nghệ khai thác dầu khí của Liên bang Nga.

2. Nhật Bản

2.1. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Nhật Bản.

2.2. Kinh tế Nhật Bản.

3. Các công thức tính toán

Tính cơ cấu/tỉ lệ, mật độ dân số, các cân thương mại.

PHẦN 2: BÀI TẬP TỰ LUYỆN

I. CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: Thế mạnh nổi bật ở phần lãnh thổ phía tây Liên Bang Nga là:

- A. chăn nuôi gia súc lớn. B. sản xuất lương thực.
C. trồng cây công nghiệp. D. phát triển thủy điện.

Câu 2: Hệ thống sông nào sau đây có giá trị về thủy điện và giao thông lớn nhất Liên Bang Nga?

- A. Sông Lê-na. B. Sông Vôn-ga. C. Sông Ô-bi. D. Sông I-ê-nit-xây.

Câu 3: Liên bang Nga có đường biên giới trên đất liền dài khoảng

- A. 40 000 km. B. 30 000 km. C. 20 000 km. D. 50 000 km.

Câu 4: Dân cư Liên bang Nga tập trung chủ yếu ở khu vực nào dưới đây?

- A. Đồng bằng Đông Âu. B. Đồng bằng Tây Xi – bia.
C. Ven Thái Bình Dương. D. Vùng Xibia và các đảo.

Câu 5: Hồ nước ngọt sâu nhất thế giới là hồ nào sau đây?

- A. Hồ Victoria. B. Hồ Superior. C. Hồ Baikal. D. Biển Caspi.

Câu 6: Nhận định nào sau đây đúng với tình hình phát triển kinh tế của Liên bang Nga?

- A. Liên bang Nga có quy mô GDP khá nhỏ. B. Tốc độ tăng trưởng GDP không ổn định.
C. Chú trọng các ngành dùng nhiều lao động. D. Có xu hướng giảm tỉ trọng ngành dịch vụ.

Câu 7: Ngành công nghiệp truyền thống của Liên bang Nga là

- A. điện lực. B. thực phẩm. C. đóng tàu. D. luyện kim.

Câu 8: Vùng kinh tế nào sau đây của Liên bang Nga giàu tài nguyên, công nghiệp phát triển nhưng nông nghiệp còn hạn chế?

- A. Vùng Trung tâm. B. Vùng U-ran. C. Vùng Trung ương. D. Vùng Viễn Đông.

Câu 10: Từ lâu, Liên bang Nga đã được coi là cường quốc về

- A. khai thác dầu khí. B. hàng không vũ trụ.
C. công nghiệp may. D. công nghiệp cơ khí.

Câu 11: Nhận định nào sau đây đúng với Liên bang Nga sau khi Liên bang Xô Viết tan rã?

- A. Nền kinh tế, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.
B. Đời sống người dân được cải thiện, kinh tế phát triển.
C. Đưa Liên bang Xô Viết trở thành cường quốc mạnh.
D. Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, nhiều ngành mới.

Câu 12: Liên bang Nga có đường bờ biển dài, tiếp giáp với hai đại dương lớn là

- A. Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương. B. Bắc Băng Dương và Đại Tây Dương.
C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. D. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

Câu 13: Ý nào sau đây là điều kiện thuận lợi nhất trong sản xuất nông nghiệp của Liên Bang Nga?

- A. Quỹ đất nông nghiệp lớn. B. Khí hậu phân hoá đa dạng.
C. Giáp nhiều biển và đại dương. D. Có nhiều sông, hồ lớn.

Câu 14: Ý nào sau đây đúng với hoạt động ngoại thương của Liên Bang Nga?

- A. Giá trị xuất khẩu luôn cân bằng với giá trị nhập khẩu.

B. Hàng xuất khẩu chính là thủy sản, hàng công nghiệp nhẹ.

C. Hàng nhập khẩu chính là dầu mỏ, khí đốt.

D. Tổng kim ngạch ngoại thương liên tục tăng.

Câu 15: Vấn đề về dân số mà Liên Bang Nga đang quan tâm nhất hiện nay là?

A. Dân số tăng nhanh.

B. Thiếu nguồn lao động.

C. Tuổi thọ trung bình thấp.

D. Nhiều thành phần dân tộc.

Câu 16: Lãnh thổ Nhật Bản trải ra theo một vòng cung dài khoảng

A. 8 300 km.

B. 3 800 km.

C. 380 km.

D. 830 km.

Câu 17: Các loại khoáng sản nào sau đây có trữ lượng lớn nhất ở Nhật Bản?

A. Dầu mỏ và khí đốt.

B. Sắt và mangan.

C. Than đá và đồng.

D. Bôxít và apatít.

Câu 18: Đảo nào sau đây có diện tích tự nhiên lớn nhất ở Nhật Bản?

A. Kiu-xiu.

B. Xi-cô-cư.

C. Hô-cai-đô.

D. Hôn-su.

Câu 19: Biển của Nhật Bản có nguồn hải sản phong phú do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Nước biển ấm, nhiều đảo.

B. Diện tích biển lớn, thiên tai.

C. Nền nhiệt độ cao, biển ấm.

D. Có các ngư trường rộng lớn.

Câu 20: Các vật nuôi chính của Nhật bản được nuôi theo hình thức chủ yếu nào sau đây?

A. Hộ gia đình.

B. Du mục.

C. Quảng canh.

D. Trang trại.

Câu 21: Ngành công nghiệp nào sau đây chiếm phần lớn giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản?

A. Công nghiệp điện tử.

B. Công nghiệp chế tạo.

C. Công nghiệp luyện kim.

D. Công nghiệp hóa chất.

Câu 22: Cây trồng chính của Nhật Bản là

A. lúa mì.

B. cà phê.

C. lúa gạo.

D. cao su.

Câu 23: Hai ngành nào sau đây có vai trò hết sức to lớn trong ngành dịch vụ của Nhật Bản?

A. Thương mại và tài chính.

B. Thương mại và giao thông.

C. Tài chính và du lịch.

D. Du lịch và giao thông.

Câu 24: Ngành công nghiệp chiếm 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản là

A. công nghiệp chế tạo.

B. dệt may – da giày.

C. chế biến thực phẩm.

D. sản xuất điện tử.

Câu 25: Khó khăn về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế của Nhật Bản là

A. Bờ biển dài, nhiều vũng vịnh.

B. Khí hậu phân hóa rõ rệt từ bắc xuống nam.

C. Nghèo khoáng sản.

D. Nhiều đảo lớn, nhỏ nhưng nằm cách xa nhau.

Câu 26: Ý nào sau đây *không* đúng về dân cư Nhật Bản?

A. là nước đông dân.

B. phần lớn dân cư tập trung ở các thành phố ven biển.

C. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cao.

D. dân số già hóa.

Câu 27: Ngành nông nghiệp chỉ giữ vai trò thứ yếu trong nền kinh tế Nhật Bản là do

A. Nhật Bản ưu tiên phát triển thương mại, tài chính.

B. Nhật Bản tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp.

C. Diện tích đất nông nghiệp ít, tỉ trọng nông nghiệp chiếm 1% trong GDP.

D. nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp có lợi thế hơn sản xuất.

Câu 28: Bốn đảo lớn nhất của Nhật Bản theo thứ tự từ bắc xuống nam là

A. Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.

B. Hôn-su, Hô-cai-đô, Kiu-xiu, Xi-cô-cư.

C. Kiu-xiu, Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư.

D. Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.

Câu 29: Phần lớn giá trị xuất khẩu của Nhật Bản luôn lớn hơn giá trị nhập khẩu là do

A. Nhật Bản chủ yếu nhập khẩu nguyên liệu giá rẻ, xuất khẩu sản phẩm đã qua chế biến có giá thành cao.

B. Nhật Bản không phải nhập khẩu các mặt hàng phục vụ cho sản xuất và đời sống.

C. Số lượng các mặt hàng xuất khẩu vượt trội so với số lượng các mặt hàng nhập khẩu.

D. Sản phẩm xuất khẩu của Nhật Bản có giá trị rất cao, thị trường xuất khẩu ổn định.

Câu 30: Một trong những đặc trưng nổi bật của người lao động Nhật Bản là

A. không có tinh thần đoàn kết.

B. ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm rất cao.

C. trình độ công nghệ thông tin đứng đầu thế giới.

D. năng động nhưng không cần cù.

II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: Quan sát bảng số liệu và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d sau đây:

Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Liên bang Nga, giai đoạn 2000 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2010	2015	2020
Xuất khẩu	114,4	444,5	391,4	381,0
Nhập khẩu	62,4	322,4	281,6	304,6

a) Trị giá xuất khẩu có xu hướng tăng đều qua các năm.

b) Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu đều có xu hướng tăng.

c) Tất cả các năm đều có giá trị nhập siêu.

d) Cán cân xuất nhập khẩu năm 2010 cao nhất.

Câu 2: Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d sau đây:

Nhật Bản là quốc gia đông dân, năm 2020 là 126,2 triệu người. Tỷ lệ gia tăng dân số thấp và có xu hướng giảm. Cơ cấu dân số già, số dân ở nhóm 0 đến 14 tuổi chiếm 12% và nhóm trên 65 chiếm 29% tổng dân số (năm 2020). Mật độ dân số cao, phân bố tập trung ở các thành phố và các vùng đồng bằng ven biển.

a) Lao động Nhật Bản có số lượng lớn.

b) Cơ cấu dân số già dẫn đến hệ quả thiếu lao động trong tương lai.

c) Phân bố dân cư ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

d) Nhóm tuổi 0-14 tuổi chiếm tỉ trọng thấp nhưng có xu hướng ngày càng tăng.

Câu 3: Điều kiện tự nhiên nào đặc trưng cho Liên bang Nga? lựa chọn đáp án đúng sai cho các ý a,b,c,d

a) Nga có khí hậu chủ yếu là ôn đới, với mùa đông kéo dài và rất lạnh, gây khó khăn cho nông nghiệp và chăn nuôi.

b) Đất đai ở Nga phần lớn là đất phù sa màu mỡ, thuận lợi cho canh tác nông nghiệp quanh năm.

c) Vùng Siberia của Nga là khu vực có nhiều tài nguyên thiên nhiên như dầu mỏ, khí đốt và khoáng sản, nhưng điều kiện sống khắc nghiệt.

d) Nga có hệ thống sông ngòi chằng chịt, giúp phát triển mạnh mẽ giao thông thủy nội địa và thủy điện.

Câu 4: Vị trí địa lý của Nhật Bản ảnh hưởng như thế nào đến điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của đất nước này? lựa chọn đáp án đúng sai cho các ý a,b,c,d

a) Nhật Bản nằm ở khu vực Đông Á, bị ảnh hưởng mạnh bởi các trận động đất và sóng thần do vị trí nằm trên vành đai lửa Thái Bình Dương.

b) Vị trí địa lý gần Bắc Cực khiến Nhật Bản có mùa đông rất lạnh, ảnh hưởng đến nông nghiệp và cuộc sống của người dân.

c) Nhật Bản nằm ở vị trí thuận lợi cho giao thương quốc tế, với các tuyến hàng hải quan trọng kết nối châu Á với châu Mỹ.

d) Nhật Bản có diện tích rộng lớn, chiếm phần lớn diện tích lục địa Đông Á, giúp phát triển nông nghiệp và chăn nuôi.

III. CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN.

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Dân số của Nhật Bản giai đoạn 2000 – 2020

(Đơn vị: triệu người)

Năm	2000	2020
Dân số	127,524	126, 476
Dân thành thị	100, 303	116,099

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tỉ lệ dân thành thị của Nhật Bản trong giai đoạn 2000 – 2020 tăng bao nhiêu %? (làm tròn kết quả chữ số thập phân đầu tiên của đơn vị %)

Đáp án đúng là:

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa của Liên bang Nga, giai đoạn 2015 – 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2015	2017	2020
Nhập khẩu hàng hóa	193,0	283,1	239,6

Xuất khẩu hàng hóa	341,1	352,9	333,4
--------------------	-------	-------	-------

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính cán cân xuất nhập khẩu của Liên bang Nga năm 2020.

Đáp án đúng là:

IV. PHẦN TỰ LUẬN

1. Vẽ và nhận xét biểu đồ cột